TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUY NHƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 1164/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-12-2024
V/v ly hôn giữa bà N và ông T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:BàĐặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:1. Bà Trần Thị Phối

2. Ông Nguyễn Tấn Bình

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định*tham gia phiên tòa:*Ông Trần Võ Phong-Kiểm sát viên.

Ngày17tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 903/2024/TLST-HNGĐ ngày 17tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số382/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1969;Địa chỉ: P, tầng F, Chung cư A, TP ., T. B; có mặt.

-*Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960;Địa chỉ: Phòng A, tầng A, Chung cư N, 44 đường Đ, TP ., T. B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện đề ngày 16-9-2024, ngày 17/10/2024 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thị Ntrình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Tvào năm 1994, có đăng ký kết hôn và được UBND phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Địnhcấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 24/8/1994, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và do ông Tcó những lời lẽ nặng lời xúc phạm bà. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột cãi nhau, mỗi lần cãi nhau, ông T lại đánh bà nên mâu thuẫn vợ chồng bà ngày càng trầm trọngkhông thể hàn gắn được,tình cảm vợ chồng cũng không còn. Từ giữa năm 2023 đến nay, vợ chồng bà đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Vào khoảng tháng 5/2023 và tháng 6/2024 bà đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn ông T đến Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn nhưng sau đó được Tòa động viên hòa giải, bà suy nghĩ lại nên đã rút đơn

khởi kiện.Trong khoảng thời gian sau khi bà rút đơn khởi kiện, cuộc sống vợ chồng bà vẫn không thể hòa hợp được, bà và ông Tcũng đã thỏa thuận giải quyết xong phần tài sản chung nên tháng 9/2024 bà tiếp tục gởi đơn khởi kiện xin ly hôn ông T.Nay bà xác định mâu thuẫn giữa bà và ông Tđã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, bà không còn tình cảm gì với ông Tnênbà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tđể cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung tên là Nguyễn Thảo M, sinh ngày 18-8-1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18-3-2003, hiện sức khỏe các con bình thường và đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 25 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Ttrình bày:Ông thống nhất như lời trình bày của bà N về thời gian, điều kiện kết hôn . Về mâu thuẫn ,theo ông kể từ ngày chung sống vợ chồng ông sống hạnh phúc bình thường, ông thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng ông cũng có mâu thuẫn cãi nhau, do bà Nnói nhiều nên ông cũng có hai, ba lần tát tai bà N nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà N. Đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặt khác cũng do bà Nbị lừa gạt dẫn đến nợ nần nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Đến giữa năm 2023,bà Ntự ra ở riêng và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Nyêu cầu ly hôn với ông, ông vẫn còn tình cảm với bà Nvà ông không muốn gia đình tan vỡ nênông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Ncóhai con chung tên là Nguyễn Thảo M, sinh ngày 18-8-1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18-3-2003, hiện sức khỏe các con bình thường và đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tkhông yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, ông Ttrình bày trong quá trình chung sống, người khác có nợ bà Nmột số tiền, ông yêu cầu giải quyết khoản nợngười khác nợ vợ chồng ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm . Tại phiên tòa sơ thẩm , Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quyđịnh của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn và bị đơnđã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án :Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Nđược ly hôn với ông Nguyễn Văn T; Về con chung, các con chung của ông bà sức khỏe bình thường, đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét yêu cầu giải quyết nợ chung của ông T,

Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi ông Tcó đơn khởi kiện (Căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứcó trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 24/8/1994 do UBND phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Địnhcấp, căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Nvà ông Nguyễn Văn Tlà hôn nhân hợp pháp.

[2] Về yêu cầu ly hôn của bà N: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì thấy bà Nyêu cầu cho bà được ly hôn với ông Tvì mâu thuẫn giữa bà và ông Tđã trầm trọng,không có khả năng hàngắn, hiện vợ chồng bàđã sống ly thân, tình cảm không còn, không ai còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Tkhông đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà N, ông không muốn gia đình tan vỡ. Ông Tthừa nhậntừ năm 2023 vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặt khác cũng do bà Nbị lừa gạt dẫn đến nợ nần nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Từ giữa năm 2023 đến nay vợ chồng ông đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, gần gũi, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây ông bà đã sống ly thân thời gian dài , tình cảm, trách nhiệm đối với nhau không còn , mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đối chiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì hôn nhân giữa bà Nvà ông Tđã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấyyêu cầu ly hôn của bà Nlà có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đìnhnên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Bà Nvà ông Tcó hai một con chung tên là Nguyễn Thảo M, sinh ngày 18-8-1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18-3-2003, hiện sức khỏe các con của ông bà vẫn bình thườngvà đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, ông Tyêu cầu giải quyết khoản nợ người khác nợ vợ chồng ông. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn và Bị đơn không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tách yêu cầu của ông Tvề việc yêu cầu giải quyết khoản nợ người khác nợ vợ chồng ông, Tòa án sẽ giải quyết thành một vụ án khác khi có đơn khởi kiện (theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự).

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bà Phan Thị N1phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà N1là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;Căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Nđược ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Bà Nvà ông Tcó hai một con chung tên là Nguyễn Thảo M, sinh ngày 18-8-1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18-3-2003, hiện sức khỏe các con của ông bà vẫn bình thườngvà đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách yêu cầu của ông Tvề việc yêu cầu giải quyết khoản nợ người khác nợ vợ chồng ông,Tòa án sẽ giải quyết thành một vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị Nphải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000579 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Bà Nđã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị N và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-VKSND TP . Quy Nhơn;
- UBND P.Hải Cảng, TP Quy Nhơn;
(ĐKKH số 83/24.8.1994)
-Lưu hồ sơvụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Kim Anh